**ĐỀ CƯƠNG HK1 LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Câu 1:** Có mấy loại đồ họa

**A. Hai loại đồ họa là đồ họa điểm ảnh (bitmap) và đồ họa vectơ B.** Điểm ảnh và hình ảnh chụp

**C.** Đồ họa vectơ và ảnh chụp logo điểm ảnh **D.** Ảnh chụp đồ họa logo vecto

**Câu 2:** Theo em, thanh công cụ nào được sử dụng nhiều nhất trong Inkscape?

**A.** Bảng màu **B.** Thanh thiết lập chế độ kết dính.

**C.** Thanh điều khiển thuộc tính. **D. Hộp công cụ**

**Câu 3:** Có mấy loại phần mềm đồ họa

A. Phần mềm tạo, chỉnh sửa hình vecto và phần mềm xử lý ảnh bitmap

**B.** Phần mềm chup ảnh, chỉnh sửa hình vecto và phần mềm xử lý ảnh bitmap

**C.** Phần mềm chup ảnh, và vẽ vecto và phần mềm xử lý ảnh bitmap

**D.** Phần mềm chup ảnh, chỉnh sửa hình vecto và phần mềm xử lý logo

**Câu 4:** Đối tượng hình chữ nhật đã được cung cấp sẵn trong Inkscape, thuộc tính W, H lần lượt có ý nghĩa gì?

**A. Chiều rộng, chiều dài** **B.** Chiều dài, chiều rộng **C.** Diện tích, chu vi **D.** Chu vi, diện tích

**Câu 5:** Đối tượng hình đa giác hình sao đã được cung cấp sẵn trong Inkscape, thuộc tính Rounded có ý nghĩa gì?

**A. Độ cong tại các đỉnh của hình B.** Số đỉnh của đa giác hoặc số cạnh của hình sao

**C.** Tỉ lệ bán kính từ tâm đến góc trong và từ tâm tới đỉnh đầu của hình sao

**D.** Tham số làm méo hình ngẫu nhiên

**Câu 6:** Trong Inkscape, để tùy chỉnh màu tô và màu vẽ ta sử dụng?

**A. Hộp thoại Fill and Stroke** **B.** Hộp thoại Fill

**C.** Hộp thoại Stroke **D.** Không tùy chỉnh được

**Câu 7:** Trong Inkscape, tổ hợp phím dùng để thực hiện phép hợp hai hay nhiều đối tượng đơn?

**A. Ctrl + +** **B.** Ctrl + - **C.** Ctrl + ^ **D.** Ctrl + /

**Câu 8:** Để xác định đường viền của đối tượng dạng lượn sóng, em cần chọn trang nào trong hộp thoại Fill and Stoke?

**A. Stroke style** **B.** Stroke paint **C.** Fill **D.** Không thực hiện được

**Câu 9:** Khẳng định nào sau đây là sai?

**A. Tất cả mọi đối tượng đều có các thuộc tính cơ bản giống nhau**

**B.** Mỗi hình khối được đặc trưng bởi các thuộc tính khác nhau

**C.** Có thể thay đổi giá trị các thuộc tính của đối tượng

**D.** Trong các đối tượng đã được định nghĩa sẵn, mỗi thuộc tính đều có ý nghĩa riêng

**Câu 10:** Nút lệnh không dùng để tùy chỉnh màu tô và màu vẽ trong Inkscape?

****

**Câu 11: Hãy nêu các thành phần cơ bản vẽ nên hình sau?**

****

**A. Hình chữ nhật màu đỏ, hình chữ nhật màu đen, hình sao màu vàng**

**B.** Hình chữ nhật màu vàng, hình chữ nhật màu đen, hình sao màu đỏ

**C.** Hình chữ nhật màu đỏ, hình chữ nhật màu vàng, hình sao màu vàng

**D.** Hình chữ nhật màu vàng, hình chữ nhật màu đen, hình sao màu vàng

**Câu 12: Để vẽ hình dưới đây trong Inkscape, cần sử dụng các đối tượng hình khối nào?**

****

**A. Hình vuông, hình tròn, hình tam giác**

**B.** Hình vuông, hình tròn, hình trái tim

**C.** Hình tròn, hình tam giác

**D.** Hình vuông, hình tròn

**Câu 13: Thứ tự đúng các bước dùng để vẽ hình ảnh dưới đây bằng Inkscape?**

****

**A. Vẽ 6 hình tròn liền kề tạo vòng khép kín; (2) Vẽ 1 hình tròn bán kính lớn hơn bên trên 6 hình tròn trước; (3) Tô màu vàng và đỏ như hình.**

**B.** Vẽ 6 hình tròn liền kề tạo vòng khép kín; (2) Vẽ 1 hình tròn bán kính lớn hơn bên dưới 6 hình tròn trước; (3) Tô màu vàng và đỏ như hình.

**C.** (1) Vẽ 1 hình tròn; (2) Vẽ 6 hình tròn liền kề tạo vòng khép kín bên trên hình tròn trước; (3) Tô màu vàng và đỏ như hình.

**D.** (1) Vẽ 1 hình tròn; (2) Vẽ 6 đường tròn liền kề tạo vòng khép kín bên trên hình tròn trước; (3) Tô màu vàng và đỏ như hình.

**Câu 14:** Cần ít nhất bao nhiêu điểm để xác định một đường thẳng?

**A.** 3. **B.** 4. **C.** 5. **D. 2.**

**Câu 15:** Có mấy bước vẽ đối tượng đường?

**A.** 2. **B.** 3. **C. 4**. **D.** 5.

**Câu 16:** Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

**A. Hình khối là đối tượng được định nghĩa sẵn trong Inkscape và xác đinh bởi các tính chất toán học chặt chẽ.**

**B.** Khi điều chỉnh hình khối ta thu được hình mới với đặc trưng thay đổi.

**C.** Không thể điều chỉnh các đối tượng tự do dạng đường.

**D.** Các đối tượng tự do không thể chỉnh thành hình dạng khác.

**Câu 17: Chọn từ còn thiếu trong câu sau: Khi nối các đoạn thẳng hoặc đoạn cong với nhau ta thu được đường cong** … hơn.

**A.** đơn giản. **B. phức tạp**. **C.** cong. **D.** thẳng.

**Câu 18:** Điểm nối giữa các đoạn có mấy loại điểm?

**A. 2.** **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 19:** Điểm neo trơn được thể hiện bằng hình gì?

**A.** hình tam giác. **B. hình vuông, hình tròn.**

**C.** hình thoi. **D.** hình bình hành.

**Câu 20:** Điểm neo góc được thể hiện bằng hình gì?

**A.** hình tam giác. **B.** hình vuông, hình tròn.

**C. hình thoi.** **D.** hình bình hành.

**Câu 21:** Độ cong tại mỗi điểm phụ thuộc vào mấy yếu tố?

**A. 2**. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 22:** Có mấy bước chỉnh sửa điểm neo?

**A.** 2. **B. 3**. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 23: Chọn từ còn thiếu trong câu sau: Ta có thể tinh chỉnh đối tượng đường dựa vào … và các điểm, đường chỉ** hướng.

**A. điểm neo**. **B.** điểm chỉ hướng. **C.** đường. **D.** đường neo.

**Câu 24:** Chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau:

**A.** Các điểm nối giữa các đoạn có thể là điểm neo trơn hoặc điểm neo góc.

**B.** Độ cong tại mỗi điểm neo phụ thuộc điểm chỉ hướng và đường chỉ hướng.

**C. Khi xác định điểm neo trên bản vẽ, cần xác định thêm các đoạn ở giữa để nối các điểm neo có sẵn.**

**D.** Điểm neo góc thể hiện bởi một hình thoi.

**Câu 25:** Muốn bỏ các tùy chỉnh đã đặt, ta chọn đối tượng văn bản rồi dùng lệnh gì?

**A. Text/ Remove Manual Kerns.** **B.** Text/ Remove.

**C.** File/ Remove Manual Kerns. **D.** Text/ Remove Manual.

**Câu 26:** Muốn đặt văn bản theo đường đã có, ta dùng lệnh gì?

**A.** File/ Put on Path. **B.** Text/ Put the Path.

**C.** Text/ Put in Path. **D. Text/ Put on Path**.

**Câu 27:** Hãy chọn phương án SAI. Khi sử dụng mạng máy tính ta sẽ được các lợi ích:

**A.** Chia sẻ tài nguyên (ổ cứng, cơ sở dữ liệu, máy in, các phần mềm tiện ích, …)

**B.** Quản lý tập trung.

**C.** Tận dụng năng lực xử lý của các máy tính rỗi để làm các đề án lớn.

**D. Không bao giờ phải cài lại hệ điều hành của máy.**

**Câu 28.** Ngôn ngữ nào gần với ngôn ngữ tự nhiên nhất?

**A.** **Ngôn ngữ bậc cao.** **B.** Ngôn ngữ máy.

**C.** Hợp ngữ. **D.** Cả ba phương án đều sai.

**Câu 29.** Ngôn ngữ nào sau đây **không** phải ngôn ngữ bậc cao?

**A**. C/C++. **B. Assembly.** **C.** Python. **D.** Java.

**Câu 30.** Phần mở rộng nào sau đây là đúng của tệp Python?

**A .**python. **B** .pl. **C .py. D** .p.

**Câu 31.** Giá trị của biểu thức Python sau sẽ là bao nhiêu?

4 + 15 / 5

**A. 7. B.** 2. **C.** 4. **D.** 1.

**Câu 32.** Điều nào sau đây được sử dụng để xác định một khối mã trong ngôn ngữ Python?

**A.** **Thụt lề. B**. Nháy “ ”. **C.** Dấu ngoặc ( ). **D**. Dấu ngoặc [ ].

**Câu 33.** Thứ tự thực hiện các phép tính trong Python ở đáp án nào đúng?

**A.** /, -, +, \*. **B. (\*, /), (+, -). C**. Từ trái sang phải. **D**. (+, -), (\*, /).

**Câu 34.** Giá trị của biểu thức Python sau sẽ là bao nhiêu?

6 – 6 / 2 + 4 \* 5 – 6 / 2

**A.** 17. **B. 20.** **C.** 18. **D.** 19.

**Câu 35.** Câu lệnh sau bị lỗi ở đâu?

>>> 3 + \* 5

**A.**3 . **B.** **+ hoặc \*.** **C.** \*. **D.** Không có lỗi.

**Câu 36:** Output của lệnh sau là:

print(1+ 2 + 3+ 4)

**A.** **10.** **B.** 15. **C.** 1 + 2 + 3 + 4. **D.** 1 + 2 + 3.

**Câu 37.** Dùng câu lệnh print và kí tự nào để viết được đoạn văn xuống dòng giữa xâu?

**A.** Cặp dấu nháy đơn. **B.** **Cặp ba dấu nháy kép.**

**C.** Cặp dấu nháy kép. **D.** Không thể thực hiện được.

**Câu 38.**Trong ngôn ngữ Python, tên nào sau đây là từ khoá?

**A.**program, sqr. **B.**uses, var. **C.**include, const. **D. if, else.**

**Câu 39.**Từ khoá của một ngôn ngữ lâp trình là:

**A.**là những từ dành riêng. **B.**cho một mục đích sử dụng nhất định.

**C.**có thể đặt tên cho biến. **D. Cả A và B**

**Câu 40.**Trong ngôn ngữ lập trình Python, từ khoá và tên:

**A.**Có ý nghĩa như nhau. **B. Người lập trình phải tuân theo quy tắc đặt tên.**

**C.**Có thể trùng nhau. **D**. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 41.** Trong ngôn ngữ Python, tên nào sau đây đặt **sai** theo quy tắc?

**A. 11tinhoc.** **B.**tinhoc11. **C.** tin\_hoc. **D.** \_11.

**Câu 42.** Lệnh gán giá trị cho biến b nguyên nào sau đây là đúng?

**A. b = 10.** **B.**B = 10. **C.**b == 10 **D**. b = ‘10’

**Câu 43.**Trường hợp nào sau đây **không** phải lệnh gán trong python?

**A.**cd = 50. **B**. a = a \* 2. **C.**a = 10. **D. a + b = 100**.

**Câu 44.** Tên biến nào sau đây là **đúng** trong Python?

**A.**–tich. **B**. tong@. **C.**1\_dem. **D**. **ab\_c1.**

**Câu 45.**Để gán giá trị cho một biến số ta thực hiện như thế nào?

**A.** <giá trị> := A. **B**. **A = <giá trị>**. **C.** <giá trị> = A. **D.** A := <giá trị>.

**Câu 46.** Để tính diện tích đường tròn bán kính R, với pi = 3,14, biểu thức nào sau đây trong Python là đúng?

**A**. S:=R\*R\*pi. **B. S=R\*R\*pi**. **C.** S:=2(R)\*pi. **D.** S:=R2\*pi.

**Câu 47.** Để viết 3 mũ 4 trong Python chọn

**A**. **3\*\*4.** **B**. 3//4. **C.** 3\*3+3\*3. **D.** 3%4.

**Câu 48.** Kết quả khi thực hiện câu lệnh sau:

>>>10 - 5 \*\* 2 + 8//3 +2

**A. -11.** **B.** 11. **C.** 7. **D.** Câu lệnh bị lỗi.

**Câu 49.**Đưa dữ liệu ra màn hình dùng thủ tục nào?

**A.** **print().** **B.** input(). **C**. type(). **D.** abs().

**Câu 50.** Câu lệnh nào dùng để đưa dữ liệu từ bàn phím vào?

**A.**print(). **B**. **input().** **C**. nhap(). **D**. enter().

**Câu 51**. Đâu không phải là kiểu dữ liệu cơ bản trong python ?

**A.** int. **B.** float. **C. list**. **D.**string.

**Câu 52.** Kết quả của dòng lệnh sau

>>x=6.7

>>type(x)

**A.** int. **B.** **float**. **C.** string. **D.** double.

**Câu 53.** Kết quả của dòng lệnh sau

>>> x, y, z = 10, “10”, 10

>>> type(z)

**A**. int. **B.** float. **C.** double. **D.** str.

**Câu 54**. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A. Lệnh input() có chức năng nhập dữ liệu từ thiết bị chuẩn vào bàn phím**

**B.**Bàn phím là thiết bị chuẩn duy nhất **C.**Nội dung nhập có thể là số

**D.**Kết quả của lệnh input() là một xâu kí tự

**Câu 55:** Tổ chức nào sau đây cung cấp dịch vụ truyền thông Internet

**A.** Thế giới di động **B.** Bách Hóa Xanh **C. FPT D.** VinMart

**Câu 56:** Điều nào sau đây là lợi thế của thư điện tử so với thư tín gửi qua đường bưu điện?

**A. Tốc độ chuyển thư nhanh.**

**B.** Thư điện tử luôn luôn được phân phát.

**C.** Thư điện tử luôn có độ an ninh cao hơn.

**D.** Có thể chuyển được lượng văn bản là hình ảnh.

**Câu 57:** SPAM là gì?

**A.** Là một loại Virus máy tính

**B.** Là một loại phần mềm gián điệp (Spyware)

**C.** Là một loại sâu máy tính (worm)

**D. Là loại thư điện tử rác mà người dùng không muốn nhận**

**Câu 58:** Chọn phát biểu nêu đúng nhất về bản chất của Internet trong các phát biểu sau:

**A.** Là mạng lớn nhất trên thế giới.

**B.** Là mạng có hàng triệu máy chủ.

**C.** Là mạng cung cấp khối lượng thông tin lớn nhất.

**D. Là mạng tòan cầu và sử dụng bộ giao thức truyền thông TCP/IP**

**Câu 59:** Phát biểu nào sai trong những phát biểu sau:

**A.** Ai cũng có thể là chủ sở hữu của Internet

**B.** Internet là mạng máy tính khổng lồ, kết nối hàng triệu máy tính, mạng máy tính trên khắp thế giới và sử dụng bộ giao thức truyền thông TCP/IP

**C. Mỗi máy tính trong Internet đều có chung địa chỉ IP**

**D.** Internet là mạng có hàng triệu máy chủ.

**Câu 60:** Chủ sở hữu mạng toàn cầu Internet là hãng nào?

**A.** Hãng Microsoft **B.** Hãng IBM

**C. Không có ai là chủ sở hữu của mạng toàn cầu Internet D.** Hãng Apple.

**Câu 61:** Mạng Internet thuộc loại mạng nào dưới đây?

**A. Mạng diện rộng B.** Mạng khu vực **C.** Mạng toàn cầu **D.** Mạng miễn phí

**Câu 62:** Phải biểu nào sau đây là sai:

**A. Mỗi máy chỉ cần cài đặt một phần mềm chống virut là có thể tìm và diệt tất cả các loại virus.**

**B.** Không có phần mềm diệt virus nào có thể tìm và diệt tất cả các loại virus.

**C.** Những người đưa virus lên mạng nhằm mục đích phá hoại là vi phạm pháp luật.

**D.** Hiện nay có nhiều phần mềm diệt virus miễn phí người dùng có thể download sử dụng nó.

**Câu 63:** Hãy lựa chọn phương án ghép đúng. Tài khoản của một địa chỉ thư điện tử là

**A.** địa chỉ của máy chủ và Password. **B.** địa chỉ E-mail và Password.

**C. tên đăng ký sử dụng và Password. D.** địa chỉ giao thức Internet.

**Câu 64:** Với dịch vụ thư điện tử, phát biểu nào dưới đây là sai?

**A.** Một người có thể gửi thư cho chính mình và gửi nhiều lần.

**B.** Tệp tin đính kèm có thể nhiễm virus, cho nên cần kiểm tra virus trước sử dụng.

**C. Hai người có thể có cùng địa chỉ hộp thư giống nhau.**

**D.** Có thể gửi một thư có tệp đính kèm cho 20 người có địa chỉ hộp thư khác nhau.

**Câu 65:** Hãy chọn phương án ghép đúng. Mạng cục bộ là mạng

**A.** Có từ 10 máy trở xuống.

**B.** kết nối các máy tính trong một phạm vi địa lí rộng lớn.

**C.** của một gia đìnhhay của một phòng ban trong một cơ quan.

**D. Kết nối một số lượng nhỏ máy tính ở gần nhau.**

**Câu 66:** Hãy chọn phương án ghép đúng. Mạng diện rộng là

**A.** mạng có từ 100 máy trở lên.

**B. mạng liên kết các mạng cục bộ bằng các thiết bị kết nối.**

**C.** mạng Internet.

**D.** mạng của một quốc gia.

**Câu 67:** Nội dung nào dưới đây có thể dẫn đến một số nguy cơ trên mạng:

**A.** Giữ nguyên tắc bảo mật khi trao đổi thông tin trên Internet.

**B.** Nắm các luật bảo quyền liên quan đến sử dụng Internet.

**C. Tải các phần mềm.**

**D.** Không kết bạn dễ dải qua mạng.

**Câu 68:** Hãy lựa chọn phương án ghép đúng nhất. Hành động nào sau đây dễ có nguy cơ bị lộ thông tin cá nhân?

**A.** Truy cập có giới hạn: người dùng phải đăng nhập bằng tên và mật khẩu.

**B.** Mã hoá dữ liệu được sử dụng để tăng cường tính bảo mật.

**C.** Luôn sử dụng các phần mềm chống virus.

**D. Sử dụng Internet quá nhiều.**

**Câu 69: Việc chia sẻ tài nguyên mạng theo nhu cầu qua internet miễn phí hoặc trả phí theo hạn mức sử dụng được** gọi là

**A.** thuê phần cứng. **B.** thuê ứng dụng.

**C.** thuê phần mềm. **D. dịch vụ điện toán đám mây.**

**Câu 70:** Dịch vụ lưu trữ đám mây của Microsoft là gì?

**A.** Mediafire. **B.** Google Driver. **C. OneDriver. D.** Icloud.

**Câu 71:** Dịch vụ nào dưới đây KHÔNG là dịch vụ của điện toán đám mây?

**A.** IaaS **B. DaaS. C.** SaaS. **D.** PaaS.

**Câu 72:** Tác động của virus đối với người dùng và máy tính?

**A.** Làm cho người dùng bị đau đầu. **B.** Làm hỏng mắt của người dùng.

**C. Xóa dữ liệu, làm tê liệt máy tính. D.** Làm cho máy tính nhẹ hơn

**Câu 73:** Bản chất của virus là gì?

**A.** Các phần mềm hoàn chỉnh. **B.** Các đoạn mã độc.

**C. Các đoạn mã độc gắn với một phần mềm. D.** Là sinh vật có thể thấy được.

**Câu 74:** Bản chất của Worm, sâu máy tính là gì?

**A. Phần mềm hoàn chỉnh. B.** Một đoạn mã độc.

**C.** Nhiều đoạn mã độc. **D.** Lợi dụng lỗ hổng của Internet.

**Câu 75:** Trojan gọi là gì?,

**A.** Phần mềm độc. **B.** Mã độc.

**C.** Ứng dụng độc. **D. Phần mềm nội gián.**

**Câu 76:** Phần mềm độc hại viết ra có tác dụng gì?

**A.** Dùng để hỗ trợ các ứng dụng.

**B. Dùng với ý đồ xấu, gây ra tác động không mong muốn.**

**C.** Cải thiện khả năng xử lí của máy tính. **D.** Dùng để diệt virus.

**Câu 77:** Trojan là một phương thức tấn công kiểu:

**A.** Can thiệp trực tiếp vào máy nạn nhân để lấy các thông tin quan trọng

**B.** Đánh cắp dữ liệu của nạn nhân truyền trên mạng

**C.** Tấn công làm tê liệt hệ thống mạng của nạn nhân

**D. Điều khiển máy tính nạn nhân từ xa thông qua phần mềm cài sẵn trong máy nạn nhân.**

**Câu 78** Dựa vào hiểu biết của bản thân, đâu KHÔNG là phần mềm chống phần mềm độc hại?

**A. Ubuntu. B.** BKAV. **C.** Kapersky. **D.** Antivirus.

**Câu 79:** Chọn đáp án đúng. Hành động nào không là hành vi bắt nạt trên không gian mạng?

**A.** Đưa tin bịa đặt. **B.** Vu khống.

**C.** Tống tiến, ép buộc làm điều xấu. **D. Tổ chức học Onli**ne.

**Câu 80:** Chọn phát biểu đúng nhất trong các phát biểu sau về các nguy cơ trên không gian mạng?

**A.** Tin giả và tin phản văn hoá, bắt nạt qua mạng.

**B.** Lừa đảo và lộ thông tin cá nhân, nghiện game.

**C. Lừa đảo trên mạng, lộ thông tin cá nhân, bắt nạt trên mạng, nghiện game, tin giả.**

**D.** Bắt nạt qua mạng và nghiện game.

**Câu 81:** Đâu là một trong các biện pháp chống hành vi bắt nạt qua mạng?

**A.** Giữ cho máy tính không bị nhiễm Virus. **B.** Giữ bí mật thông tin cá nhân.

**C. Không nên kết bạn dễ dãi qua mạng. D.** Cẩn trọng trong việc truy cập wifi công cộng.

**Câu 82: Tin học được định nghĩa là khoa học nghiên cứu các phương pháp và quá trình xử lí thông tin tự động bằng** các phương tiện kĩ thuật, chủ yếu bằng:

**A. Máy tính. B.** Điện thoại di động.

**C.** Đồng hồ thông minh. **D.** Máy thu hình.

**Câu 83:** Câu trả lời nào đúng và đầy đủ nhất về byte ?

**A.** Là lượng tin đủ mã hoá một chữ trong bảng chữ cái.

**B. Là một đơn vị lưu trữ dữ liệu 8 bít.**

**C.** Là một đơn vị đo dung lượng bộ nhớ máy tính.

**D.** Là một dãy 8 chữ số.

**Câu 84:** Chọn phát biểu đúng nhất. Thiết bị số là:

**A. Các thiết bị làm việc với thông tin số.**

**B.** Các thiết bị lưu trữ.

**C.** Các thiết bị dùng truyền dữ liệu.

**D.** Các thiết bị dùng xử lý thông tin.

**Câu 85:** Chọn kết quả đúng. 4.5GB bằng bao nhiểu MB ?

**A. 4608 MB. B.** 2048 MB. **C.** 46080 MB. **D.** 4680 MB.

**Câu 86:** Trong các thiết bị dưới đây, thiết bị nào không là thiết bị số?

**A.** Thẻ nhớ. **B.** Bộ thu phát wifi.

**C.** Máy tính xách tay. **D. Quạt điện cơ.**

**Câu 87:** Văn bản, số, hình ảnh, âm thanh, đã lưu trong máy tính được gọi chung là:

**A.** Lệnh. **B.** Chỉ dẫn. **C.** Thông tin. **D. Dữ liệu.**

**Câu 88:** Các đơn vị đo dữ liệu hơn kém nhau bao nhiêu lần?

**A. 1024 lần. B.** 1204 lần. **C.** 2014 lần. **D.** 2104 lần.

**Câu 89: Giả sử để số hoá một cuốn sách Ngữ văn 10 dạng văn bản thì cần lượng dữ liệu 65 KB. Hỏi một thẻ nhớ có** dung lượng 4GB thì lưu trữ được bao nhiêu cuốn sách Ngữ văn 10 đã số hoá?

**A. 64527 cuốn. B.** 64528 cuốn. **C.** 32768 cuốn. **D.** 16384 cuốn.

**Câu 90:** Phát biểu nào sau đây không là ưu điểm của thiết bị số

**A.** Giúp xử lý thông tin rất nhanh, chính xác.

**B.** Khả năng lưu trữ với dung lượng lớn.

**C. Tốc độ chuyển hàng hoá rất nhanh.**

**D.** Khả năng truyền tin với tốc độ rất lớn.

**Câu 91:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A. Thông tin là kết quả của việc xử lí dữ liệu để nó trở nên có ý nghĩa.**

**B.** Mọi thông tin muốn có được, con người sẽ phải tốn rất nhiều tiền.

**C.** Không có sự phân biệt giữa thông tin và dữ liệu.

**D.** Dữ liệu chỉ có trong máy tính, không tồn tại bên ngoài máy tính.

**Câu 92:** Hoạt động nào dưới đây KHÔNG là của thông tin?

**A.** Tiếp nhận thông tin. **B.** Xử lí, lưu trữ thông tin.

**C.** Truyền (trao đổi) thông tin. **D. Kết nối Internet.**

**Câu 93: Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí** thông tin?

**A. Thu nhận. B.** Lưu trữ. **C.** Xử lí. **D.** Truyền.

**Câu 94:** Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

**A.** Dữ liệu được lưu trữ. **B. Thông tin vào.**

**C.** Thông tin ra. **D.** Thông tin máy tính.

**Câu 95:** Phát biểu nào sau đây là sai về thông tin?

**A. Có thể đồng nhất thông tin với dữ liệu.**

**B.** Thông tin có nhiều cách thể hiện dữ liệu khác nhau.

**C.** Dữ liệu có thể thể hiện nhiều thông tin khác nhau.

**D.** Thông tin có tính toàn vẹn, nếu không đủ dữ liệu có thể làm thông tin bị hiểu sai.

**Câu 96:** So sánh việc gửi thư theo đường bưu điện và gửi thư điện tử theo các tiêu chí thì đâu là đáp án sai:

**A. Thời gian: Gửi thư điện tử sẽ đến chậm hơn gửi theo đường bưu điện nếu thư chứa quá nhiều tài liệu.**

**B.** Tốc độ: gửi thư điện tử có tốc độ nhanh hơn.

**C.** Chi phí: gửi thư điện tử tiết kiệm chi phí hơn.

**D.** Khả năng lưu trữ: gửi thư điện tử có khả năng lưu trữ lớn hơn gửi thư theo đường bưu điện **Câu 97:** Với 1 thẻ nhớ 16GB có thể chưa tối đa bao nhiêu ảnh tính theo độ lớn trung bình của ảnh là 0.5MB?

**A.** 32755 **B.** 32730 **C. 32768 D.** 32727

**Câu 98:** Cho biết các thiết bị dưới đây, thiết bị nào là thiết bị số?

**A. Bộ thu phát wifi, thẻ nhớ, máy tính xách tay B.** Thẻ nhớ, đồng hồ, quạt điện cơ

**C.** Bộ thu phát wifi, đồng hồ, thẻ nhớ, **D.** Máy tính xách tay, thẻ nhớ, đồng hồ

**Câu 99: Trong thẻ căn cước công dân có gắn chip có thông tin về số căn cước, họ tên, ngày sinh, giới tính, quê** quán,.. được in trên thẻ để đọc trực tiếp. Ngoài ra, các thông tin ấy còn được mã hóa trong QR code và ghi vào chip nhớ. Theo em điều đó có lợi gì?

1. Giúp việc truy xuất thông tin diễn ra nhanh chóng. 2. Để bảo mật thông tin, không bị đánh cắp.

3. Việc truy xuất thông tin được tiện lợi. 4. Thông tin truy xuất sẽ chính xác hơn.

Có thể dùng các phần mềm quét mã QR code có sẵn trong điện thoại.

**A.** 1,3,5 **B. 1,3,4 C.** 1,2,3,4 **D.** 1,2,4,5

**Câu 100:** Thiết bị nào dưới đây không là thiết bị thông minh?

**A.** Điện thoại thông minh. **B.** Máy tính bảng.

**C. Đồng hồ lịch vạn niên. D.** Camera có kết nối internet.

**Câu 101:** Loại công cụ nào gắn liền với nền văn minh lần thứ ba?

**A.** Máy phát điện. **B.** Động cơ hơi nước. **C.** Đồng hồ. **D. Máy tính điện tử.**

**Câu 102:** Hãy chọn phát biểu sai.

**A.** Thiết bị thông minh là thiết bị số. **B. Thiết bị số là thiết bị thông minh.**

**C.** Thiết bị thông minh có thể làm việc một cách tự chủ.

**D.** Thiết bị thông minh có thể tương tác tương tác với người sử dụng hay các thiết bị thông minh khác.

**Câu 103:** Đặc điểm nổi bật của xã hội hiện nay là gì?

**A.** Sự ra đời của máy cơ khí. **B. Sự ra đời của máy tính điện tử.**

**C.** Sự ra đời của máy bay. **D.** Sự ra đời của điện năng.

**Câu 104: Chọn đáp án phù hợp nhất. Máy tính trở thành công cụ lao động không thể thiếu được trong xã hội hiện đại** vì:

**A.** Máy tính tính toán cực kì nhanh và chính xác.

**B.** Máy tính là công cụ soạn thảo văn bản và cho ta truy cập vào Internet để tìm kiếm thông tin.

**C.** Máy tính giúp cho con người giải tất cả các bài toán khó.

**D. Máy tính cho ta khả năng lưu trữ và xử lý thông tin.**

**Câu 105:** Công nghiệp 4.0 thiết bị đóng vai trò chủ chốt trong hệ thống IoT là:

**A.** Thiết bị số. **B. Thiết bị thông minh.**

**C.** Thiết bị vi tính. **D.** Thiết bị văn phòng.

**Câu 106:** Thiết bị nào dưới đây là thiết bị thông minh?

**A.** Ổ cắm điện. **B.** Bàn cân.

**C. Đồng hồ kết nối với điện thoại qua Bluetooth. D.** Khóa đa năng.

**Câu 107:** Thiết bị thông minh là:

**A. Là thiết bị điện tử có thể hoạt động tự chủ, không cần sự can thiệp của con người, tự thích ứng với hoàn cảnh, có khả năng kết nối với các thiết bị khác để trao đổi dữ liệu.**

**B.** Là thiết bị điện tử không thể hoạt động tự chủ, cần sự can thiệp của con người, không tự thích ứng với hoàn cảnh, không có khả năng kết nối với các thiết bị khác để trao đổi dữ liệu

**C.** Là thiết bị điện tử có thể hoạt động tự chủ, không cần sự can thiệp của con người, không tự thích ứng với hoàn cảnh, có khả năng kết nối với các thiết bị khác để trao đổi dữ liệu.

**D.** Là thiết bị điện tử có thể hoạt động tự chủ, không cần sự can thiệp của con người, tự thích ứng với hoàn cảnh, không có khả năng kết nối với các thiết bị khác để trao đổi dữ liệu

**Câu 108:** Cho biết một số thành tựu phát triển của tin học?

**A. Hệ điều hành, mạng và internet, các ngôn ngữ lập trình bậc cao, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu**

**B.** Mạng và internet, các ngôn ngữ lập trình bậc cao, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu

**C.** Hệ điều hành, các ngôn ngữ lập trình bậc cao, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu

**D.** Hệ điều hành, mạng và internet, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu

**Câu 109:** Cho biết kết nối nào không phải là kết nối phổ biến trên các PDA hiện nay:

**A.** Wifi **B.** Blueth **C. Hồng ngoại D.** USB

**Câu 110:** Trợ thủ số cá nhân có đặc điểm quan trọng là

**A.** tích hợp nhiều chức năng. **B.** tích hợp nhiều ứng dụng hữu ích.

**C. nhỏ gọn, có khả năng kết nối mạng. D.** điều khiển từ xa.

**Câu 111:** Điện thoại thông minh khác với điện thoại thường ở điểm nào?

**A.** Có danh bạ **B.** Có thể nhắn tin.

**C. Có thể kết nối Internet. D.** Có hệ điều hành và có thể chạy được một số ứng dụng.

**Câu 112:** Phạm vi sử dụng của internet là?

**A.** Chỉ trong gia đình. **B.** Chỉ trong cơ quan.

**C.** Chỉ ở trên máy tính và điện thoại. **D. Toàn cầu.**

**Câu 113:** Mạng cục bộ viết tắt là gì?

**A. LAN. B.** WAN. **C.** MCB. **D.** WWW.

**Câu 114:** Mạng LAN có phạm vi địa lí…. mạng WAN. Chọn cụm từ phù hợp điền vào dấu ….

**A.** Lớn hơn. **B. Bé hơn. C.** Bằng. **D.** Bằng hoặc lớn hơn.

**Câu 115:** Các mạng LAN có thể kết nối với nhau tạo thành một mạng lưới rộng lớn thông qua thiết bị nào?

**A.** Switch. **B.** HUB. **C. Router. D.** Mô-đem.

**Câu 116:** Chọn phát biểu đúng?

**A.** Mạng cục bộ không có chủ sở hữu. **B.** Mạng internet có chủ sở hữu.

**C. Phạm vi của mạng internet là toàn cầu. D.** Mạng cục bộ không thể lắp đặt trong gia đình.

**Câu 117:** Phần mềm tạo lớp học ảo Zoom là phần mềm gì?

**A. Phần mềm ứng dụng. B.** Phần mềm nền tảng.

**C.** Phần mềm diệt vi-rus. **D.** Không là phần mềm gì cả.

**Câu 118:** Trong thực tế, IoT được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực và mọi mặt của cuộc sống. Vậy IoT là

**A.** trí tuệ nhân tạo. **B. kết nối vạn vật. C.** điện toán đám mây. **D.** dữ liệu lớn.

**Câu 119:** Lưu trữ thông tin trên Internet qua Google drive là thuê

**A.** ứng dụng. **B. phần cứng. C.** phần mềm. **D.** dịch vụ.

**Câu 120: Việc chia sẻ tài nguyên mạng theo nhu cầu qua internet miễn phí hoặc trả phí theo hạn mức sử dụng được** gọi là

**A.** thuê phần cứng. **B.** thuê ứng dụng. **C.** thuê phần mềm. **D. dịch vụ điện toán đám mây.**

**Câu 121:** Dịch vụ lưu trữ đám mây của Microsoft là gì?

**A.** Mediafire. **B.** Google Driver. **C. OneDriver. D.** Icloud.

**Câu 122:** Dịch vụ nào dưới đây KHÔNG là dịch vụ của điện toán đám mây?

**A.** IaaS **B. DaaS. C.** SaaS. **D.** PaaS.

**Câu 123:** Tác động của virus đối với người dùng và máy tính?

**A.** Làm cho người dùng bị đau đầu. **B.** Làm hỏng mắt của người dùng.

**C. Xóa dữ liệu, làm tê liệt máy tính. D.** Làm cho máy tính nhẹ hơn.

**Câu 124:** Bản chất của virus là gì?

**A.** Các phần mềm hoàn chỉnh. **B.** Các đoạn mã độc.

**C. Các đoạn mã độc gắn với một phần mềm. D.** Là sinh vật có thể thấy được.

**Câu 125:** Bản chất của Worm, sâu máy tính là gì?

**A. Phần mềm hoàn chỉnh. B.** Một đoạn mã độc.

**C.** Nhiều đoạn mã độc. **D.** Lợi dụng lỗ hổng của Internet.

**Câu 126:** Trojan gọi là gì?

**A.** Phần mềm độc. **B.** Mã độc. **C.** Ứng dụng độc. **D. Phần mềm nội gián.**

**Câu 127:** Phần mềm độc hại viết ra có tác dụng gì?

**A.** Dùng để hỗ trợ các ứng dụng. **B. Dùng với ý đồ xấu, gây ra tác động không mong muốn.**

**C.** Cải thiện khả năng xử lí của máy tính. **D.** Dùng để diệt virus.

**Câu 128:** Trojan là một phương thức tấn công kiểu:

**A.** Can thiệp trực tiếp vào máy nạn nhân để lấy các thông tin quan trọng

**B.** Đánh cắp dữ liệu của nạn nhân truyền trên mạng

**C.** Tấn công làm tê liệt hệ thống mạng của nạn nhân

**D. Điều khiển máy tính nạn nhân từ xa thông qua phần mềm cài sẵn trong máy nạn nhân.**

**Câu 129:** Dựa vào hiểu biết của bản thân, đâu KHÔNG là phần mềm chống phần mềm độc hại?

**A. Ubuntu. B.** BKAV. **C.** Kapersky. **D.** Antivirus.